

Thành phố B, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Số: 178/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 419/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Thọ B**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 80A/99, khu phố 10, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 80A/99, khu phố 10, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Thọ B và bà Trần Thị Thu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thọ B và bà Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông B và bà H, giao cháu Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 29/10/2003 và cháu Phạm Thọ Ph, sinh ngày 15/01/2010 cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản bà H thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Phạm Thọ B tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông B đã nộp theo biên lai thu số 0000832 ngày 14/10/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B được tính trừ vào án phí ông B phải nộp. Ông Bình được nhận lại số tiền 150.000đ án phí chênh lệch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào